TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIÊN HẢI
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **11**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 26-03-2025
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIÊN HẢI, TỈNH KIÊN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Phan Văn Tịnh.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Đặng Tùng Long
2. Bà Hoàng Thị Hường
- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Viết Hạnh - Thư ký Tòa án.

Trong ngày 26 tháng 03 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 53/2024/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2024 về việc: "*Xin ly hôn, nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2025/QĐXX-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Võ Thanh Vũ E, sinh năm 1982; địa chỉ cư trú: Khóm TĐ, thị trấn OE, huyện TS, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Bà Huỳnh Mộng T, sinh năm 1982; địa chỉ cư trú: Ấp ThT, xã LS, huyện KH, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Võ Thanh Vũ E trình bày:

- Về hôn nhân: Ông Vũ E và bà T chung sống với nhau từ năm 2006 đến năm 2010 thì đăng ký kết hôn tại thị trấn Thoại Sơn, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Hai người kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán ở địa phương. Quá trình chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do cuộc sống không hợp nhau, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên

mâu thuẫn cải nhau, dẫn đến tình cảm ngày càng phai nhạt nên ông Vũ E yêu cầu được ly hôn với bà T.

- Về con chung: Quá trình chung sống với nhau có một người con tên Võ Thị Ngọc My, sinh ngày 07/03/2006, giới tính nữ, hiện đã trưởng thành trên 18 tuổi hiện đang sống với bà T. Khi ly hôn ông Sinh đồng ý tiếp tục giao con cho bà T nuôi dưỡng, hiện con đã trưởng thành nên không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng không tạo lập được tài sản chung và cũng không nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn bà Huỳnh Mộng T vắng mặt nên không có lời trình bày.

3. Tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được như sau: Giấy chứng nhận kết hôn (bản gốc); Giấy khai sinh của Võ Thị Ngọc My (bản sao).

Bị đơn bà Huỳnh Mộng T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Xét về quan hệ hôn nhân: Ông Vũ E và bà T kết hôn với nhau vào năm 2010 được gia đình hai bên tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán ở địa phương, có đăng ký kết hôn theo quy định. Hai người kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm, không trái với đạo đức xã hội nên theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng không quan tâm nhau, thường xuyên mâu thuẫn cự cải, dẫn đến tình cảm ngày càng phai nhạt. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhiều lần tống đạt văn bản ở địa phương nhưng không gặp được bà T, đều đó cho thấy bà T cũng không quan tâm đến cuộc sống vợ chồng giữa ông Vũ E với và T. Hội đồng xét xử thấy rằng trong thời gian chung sống hai người có nhiều mâu thuẫn, mặc dù được hòa giải động viên nhiều lần nhưng vẫn không thành, từ đó thấy rằng đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay ông Vũ E yêu cầu ly hôn với bà T nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là có cơ sở để chấp nhận.

[2] Xét về quyền nuôi con chung: Qua quá trình giải quyết vụ án cho thấy ông Vũ E và bà T có được có một người con tên Võ Thị Ngọc My, sinh ngày 07/03/2006, giới tính nữ, hiện nay cháu My đã trên 18 tuổi và sống cùng bà T. Khi

ly hôn ông Vũ E đồng ý tiếp tục giao con cho bà T nuôi dưỡng, ông Vũ E không cấp dưỡng nuôi con vì con đã trưởng thành. Xét thấy, yêu cầu của ông Vũ E là phù hợp và có cơ sở để chấp nhận.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Vũ E không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xE xét.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Võ Thanh Vũ E phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0004219 ngày 09/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang. Ông Võ Thanh Vũ E đã nộp xong.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, khoản 02 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho ông Võ Thanh Vũ E được ly hôn với bà Huỳnh Mộng T.

2. Về con chung: Xử giao cho bà Huỳnh Mộng T được trực tiếp nuôi dưỡng con tên Võ Thị Ngọc Mỵ, sinh ngày 07/03/2006, giới tính nữ. Ông Võ Thanh Vũ E không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Võ Thanh Vũ E có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. Về chia tài sản và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xE xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Võ Thanh Vũ E phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0004219 ngày 09/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang. Ông Võ Thanh Vũ E đã nộp xong.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản ản được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân

sự; Các Điều 7a,7b Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Kiên Giang;*
- *VKSND huyện Kiên Hải;*
- *Chi cục THADS Kiên Hải;*
- *UBND xã nơi đăng ký kết hôn;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Văn Tịnh